

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 103/2020/HC-PT

Ngày 30 tháng 6 năm 2020

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước
thu hồi đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tuấn
Ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 79/2020/TLPT-HC ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1053/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Văn T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH; địa chỉ: Đường N, Tổ 10, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ: 749 đường N1, phường T1, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Đắc T2, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Giấy ủy quyền số 07/GUQ-UBND ngày 18/5/2020; vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Diệu H1; địa chỉ: Đường N, Tổ 10, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Ông Lê Văn T, Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH và bà Lê Thị Diệu H1.

- **Người kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2019; Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 25/9/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là ông Lê Văn T, Chủ doanh nghiệp tư nhân TH trình bày:

Doanh nghiệp tư nhân (sau đây viết tắt là DNTN) TH được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 330353509 lần đầu ngày 28/7/2006, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 26/4/2011.

Năm 2006, DNTN TH sản xuất tại gia đình. Đến năm 2008, DNTN TH được Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã H cấp đất làm nhà xưởng theo Quyết định số 279/UBND/KT ngày 20/8/2008 về việc thuê đất để triển khai dự án đầu tư. Sau khi được cấp đất, DNTN TH đã tiến hành đền bù hoa màu cho các hộ dân, san lấp mặt bằng và xây dựng nhà xưởng. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vào ngày 27/7/2018 DNTN TH nhận được Văn bản số 966/UBND-TN&MT thông báo về việc kế hoạch thu hồi đất để đổi đất quốc phòng thực hiện Dự án mở rộng Cảng Hàng không quốc tế P. Trong quá trình kiểm kê, lập biên bản của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để bồi thường cho doanh nghiệp, DNTN TH nhận thấy Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư áp dụng đền bù không đúng với số lượng và diện tích theo biên bản kiểm kê ban đầu. Cụ thể: Đối với hạng mục Trạm cân bê tông thực tế là 260 m³ nhưng khi đền bù chỉ tính là 116,87 m³; Mái che công nghiệp mô tả hiện trạng không đúng với thực tế (mái che có khung sắt nhưng lại áp giá mái che thông dụng bằng gỗ tre) nên mức bồi thường không đúng với quy định tại Quyết định số 68/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngoài ra, tại Quyết định số 2105/QĐ-UB ngày 19/7/2019 của UBND thị xã H bồi thường cho DNTN TH có 20 hạng mục thì tất cả các hạng mục chỉ tính 80% giá trị thực tế là không đảm bảo quyền lợi của DNTN TH khi Nhà nước thu hồi đất.

Vì các lý do trên, DNTN TH yêu cầu Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND thị xã H, bởi vì áp giá bồi thường không đúng nội dung Quyết định số 68/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và tính sai khối lượng thực tế kiểm kê ban đầu đối với: (1) Trạm cân bê tông (Biên bản kiểm kê thực tế là 260 m³ nhưng phương án bồi thường là 116,87 m³ với số tiền 576.037.800 đồng); (2) Mái che công nghiệp (giá theo Quyết định số 68/2015/QĐ-UBND là 1.736.000 đồng nhưng UBND thị xã H áp giá 1.384.000 đồng) với số tiền 2.663.059.067 đồng); (3) yêu cầu UBND thị xã H phải bồi thường cho DNTN TH tất cả các hạng mục đã kiểm kê (20 hạng mục) với 100%

giá trị thực tế.

2. Ý kiến của người bị kiện:

Tại Văn bản số 1468/UBND ngày 24/10/2019, UBND thị xã H trình bày: Các hạng mục công trình (mái che, bể bê tông trạm cân) trong Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND thị xã H, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Mở rộng cảng hàng không quốc tế P đã đo đạc kiểm đếm để xác định khối lượng theo đúng quy định; UBND thị xã H đã phê duyệt giá trị bồi thường theo đúng quy định tại Quyết định số 68/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về đơn giá nhà, công trình, vật kiến trúc và các loại mồ mả làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó UBND thị xã H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp tư nhân TH.

3. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Áp dụng các Điều 66, 67, 68, 69 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 4 Chương 2, Chương 3 Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành về trình tự, thủ tục thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 68/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về đơn giá nhà, công trình, vật kiến trúc và các loại mồ mả làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; khoản 6 Điều 27 tại Quyết định số 37/2018/QĐ-UB ngày 19/6/2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lê Văn T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH phải chịu 300.000 đồng;

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn T phải chịu 41.837.940 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

4. Kháng cáo, kháng nghị:

- Ngày 25/11/2019, người khởi kiện là ông Lê Văn T, Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Diệu H1 có đơn

kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án bảo đảm công bằng và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.

- Ngày 12/12/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định số 03/QĐ-VKS-HC kháng nghị phúc thẩm đối với một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Lê Văn T giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Diệu H1 giữ nguyên kháng cáo. Ông T, bà H1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ nội dung các đơn kháng cáo, đơn trình bày bổ sung và các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án để xét xử vụ án đúng pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa đều đã văn bản trình bày ý kiến và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định tại Điều 225 của Luật Tổ tụng Hành chính.

Về nội dung:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập trong quá trình tố tụng cho thấy DNTN TH đã được UBND thị xã H cho phép xây dựng nhà xưởng, từ đó mới tạo lập tài sản trên đất. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất thì DNTN TH không thực hiện đúng nội dung tại Văn bản số 279/UBND ngày 20/8/2008 của UBND huyện Hương Thủy là trong 01 năm DNTN TH phải lập thủ tục cho thuê đất theo đúng quy định hiện hành. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông T và bà H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào xác định DNTN TH được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc UBND thị xã H phải bồi thường 100% giá trị các hạng mục đã kiểm kê trên đất là đúng pháp luật.

Đối với hạng mục Mái che công nghiệp, tại phiên tòa ông T trình bày nhà xưởng trong các bản ảnh ông giao nộp theo yêu cầu của Tòa án chính là mái che công nghiệp mà UBND thị xã H đã áp giá bồi thường không đúng quy định. Qua xem xét các bản ảnh thì thấy rõ ràng mái che công nghiệp của DNTN TH có kết cấu trụ bê tông, khung thép, mái tôn nhưng trong quá trình tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm chưa tổ chức việc xem xét, thẩm định tại chỗ để xác định chính xác, đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của DNTN TH về hạng mục này là không đúng; kháng cáo của ông Lê Văn T, Chủ DNTN TH và bà Lê Thị Diệu H1 là có căn cứ.

Đối với hạng mục Trạm cân 100 tấn, quá trình tố tụng trước đây các đương sự cung cấp các tài liệu có số liệu khác nhau nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ. Tại Văn bản số 947/UBND ngày 26/6/2020 “V/v cung cấp một số thông tin, tài liệu” theo yêu cầu của Tòa án cấp phúc thẩm, UBND thị xã H cũng xác định số liệu để áp giá, bồi thường là dựa vào hồ sơ thiết kế trạm cân tương tự, nhưng tại phiên tòa ông T có ý kiến là sau đó ông không đồng ý việc xác định khối lượng Trạm cân mà ông đã ký xác nhận ngày 22/01/2019 và ông đã khiếu nại nhưng không được xem xét lại; đồng thời hiện nay Trạm cân vẫn còn, chưa bị tháo dỡ. Như vậy, có cơ sở xác định khối lượng bê tông Trạm cân của DNTN TH mà UBND thị xã H đã áp giá bồi thường là chưa chính xác.

Về kháng nghị, xét thấy trong vụ án này ông Lê Văn T, Chủ DNTN TH khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần quyết định hành chính; các yêu cầu về xem xét việc bồi thường 100% giá trị các hạng mục kiểm kê, việc áp giá đối với hạng mục Mái che công nghiệp và khối lượng Trạm cân thuộc nội dung giải quyết của quyết định hành chính bị khiếu kiện, không phải là yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính bị khiếu kiện gây ra. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về án phí dân sự là có căn cứ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận toàn bộ Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa một phần Bản án sơ thẩm: Tuyên không buộc ông Lê Văn T - Chủ DNTN TH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hủy một phần Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND thị xã H về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với hạng mục Mái che công nghiệp và khối lượng Trạm cân để giải quyết lại, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho doanh nghiệp.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của người đại diện hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Đơn kháng cáo đề ngày 25/11/2019, ông Lê Văn T và bà Lê Thị Diệu H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án thiếu công khai minh bạch nhưng không nêu cụ thể yêu cầu của mình. Tuy nhiên sau đó, ông T và bà H1 tiếp tục gửi nhiều Đơn kháng cáo bổ sung (các ngày: 29/11/2019, 10/12/2019, 22/12/2019, 31/3/2020 và 22/6/2020), trong đó có trình bày cụ thể những nội dung kháng cáo và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét:

- Buộc UBND thị xã H phải bồi thường cho Doanh nghiệp 100% giá trị các hạng mục kiểm kê theo quy định của pháp luật, chứ không phải 80% như tại Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND thị xã H;

- Buộc UBND thị xã H áp dụng đơn giá bồi thường đối với hạng mục Mái che công nghiệp theo đúng quy định tại Quyết định số 68/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và khối lượng Trạm cân đúng với khối lượng kiểm kê ban đầu.

[1] Xét kháng cáo của ông Lê Văn T và bà Lê Thị Diệu H1 về việc UBND thị xã H phải bồi thường cho Doanh nghiệp 100% giá trị các hạng mục đã kiểm kê, chứ không phải 80% như tại Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND thị xã H thì thấy:

[1.1] Tại Văn bản số 279/UBND ngày 20/8/2008 của UBND huyện Hương Thủy về việc thuê đất để triển khai dự án đầu tư có nội dung: *“Đồng ý cho Doanh nghiệp tư nhân TH thuê đất với diện tích 2.400 m², vị trí khu đất có bản vẽ kèm theo, để xây dựng Xưởng sản xuất hàng mộc mỹ nghệ dân dụng. Khi triển khai thực hiện dự án (trong 01 năm) yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân TH lập thủ tục cho thuê đất theo đúng quy định hiện hành”*. Căn cứ các quy định của Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003, năm 2013 thì tại Văn bản số 279/UBND ngày 20/8/2008 của UBND huyện Hương Thủy nêu trên mới chỉ đồng ý cho doanh nghiệp được thuê đất với điều kiện là trong 01 năm phải làm thủ tục thuê đất; không phải là quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

[1.2] Đối với các tài liệu khác do ông T giao nộp như Chứng chỉ quy hoạch do UBND huyện Hương Thủy cấp cho DNTN TH ngày 03/10/2008; văn bản thỏa thuận hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT ngày 16/10/2008 của UBND huyện Hương Thủy xác nhận; các phiếu thu ngày 16/10/2008, ngày 24/11/2008; biên lai thu thuế môi trường ngày 05/02/2018 và lời trình bày của ông T là doanh nghiệp nộp đầy đủ thuế thu nhập hàng năm cho Nhà nước - cũng không phải là các thủ tục thuê đất, không phải là tài liệu chứng minh việc DNTN TH thực hiện nghĩa vụ tài chính khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật.

[1.3] Theo quy định tại Điều 9 của Luật Đất đai năm 2003 và nay là Điều 5 của Luật Đất đai năm 2013 thì người sử dụng đất là người *“được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này,...”*; tại Điều 2 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đối tượng áp dụng Nghị định này có quy định: *“Người sử dụng đất quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất”*. Như vậy, lời trình bày của bà Lê Thị Diệu H1 tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm cho rằng căn cứ quy định tại Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ; các Điều 88, 89, 93 Luật Đất đai năm 2013 thì trường hợp DNTN TH được bồi thường 100% giá trị tài sản trên đất là do bà H1 hiểu chưa đúng quy định của pháp luật. Vì trường hợp sử dụng đất của ông T, bà H1 không thuộc đối tượng áp dụng các quy định trên của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

[1.4] Từ các nhận định trên cho thấy, việc UBND thị xã H căn cứ vào quy định tại khoản 6 Điều 27 Quyết định số 37/2018/QĐ-UB ngày 19/6/2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế: “Nhà, công trình xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường (Điều 5 Quy định này) thì không được bồi thường (Điều 34 Quy định này), nhưng tại thời điểm xây dựng chưa công bố quy hoạch và chưa có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện, không vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấm mốc thì được hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo Điều 31 quy định này, ngoài ra còn được áp dụng sách hỗ trợ khác theo quy định” để xác định tại Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND thị xã H đã áp dụng bồi thường các hạng mục tài sản trên đất của DNTN TH sau khi kiểm kê với 80% giá trị theo đơn giá là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, Chủ DNTN TH về việc buộc UBND thị xã H phải bồi thường cho Doanh nghiệp 100% giá trị các hạng mục đã kiểm kê là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T và bà Lê Thị Diệu H1 về nội dung này.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Văn T và bà Lê Thị Diệu H1 về việc UBND thị xã H áp dụng đơn giá bồi thường đối với Mái che công nghiệp không đúng quy định và xác định sai khối lượng Trạm cân thì thấy:

[2.1] Về Mái che công nghiệp:

Tại Phụ lục 02 “Bảng đơn giá công trình, vật kiến trúc” của bản Quy định về đơn giá nhà, công trình, vật kiến trúc và các loại mô tả làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được ban hành kèm theo Quyết định số 68/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, tiểu mục 1.3 và 1.4 mục IV (Kết cấu mái che) quy định:

1.3	Khung bê tông; mái ngói, tôn, fibrôximăng	đồng/m ² sàn	1.384.000
1.4	Khung bê tông + thép; mái ngói, tôn, fibrôximăng	đồng/m ² sàn	1.736.000

Tại Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 19/7/2019, UBND thị xã H đã áp dụng bồi thường hạng mục Mái che công nghiệp, trụ BTCT, đỡ sắt, lợp tôn, có diện tích (21,8m x 70,1m) - (3,25m x 8,85m) - (3,2m x 3,15m), tổng khối lượng 1.489,34 m² tại Biên bản kiểm kê lập ngày 27/9/2018 với đơn giá là 1.384.000 x 80% = 1.698.464.000 đồng (tiểu mục 1.3 mục IV Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 68/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).

[2.2] Về khối lượng trạm cân:

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T và bà H1 thừa nhận việc xây dựng trạm cân có thiết kế theo dạng tự phát, nhưng hiện không còn bản thiết kế; ông T cũng tham gia và ký kết tại các biên bản kiểm kê tài sản đền bù, trong đó có biên bản lập ngày 22/01/2019. Qua xem xét các biên bản kiểm kê tài sản đền bù do các đương sự cung cấp thì thấy:

- Tại Biên bản kiểm kê lập ngày 27/9/2018 thể hiện Trạm cân 100 tấn có kích thước: 5,5 m x 13 m x 4 m nhưng bị gạch đi, thay thế bằng số liệu 116,874 m³; phần cuối Biên bản này có bản vẽ và chú thích về khối lượng bê tông cho 03 móng bè là 116,16 m³ và gờ chắn 02 đầu là 0,714 m³, được ông Lê Văn T ký xác nhận ngày 22/01/2019. Biên bản này có chữ ký của 10 người tham gia kiểm kê, trong đó có ông Lê Văn T (BL.102-104).

- Tại bản chụp danh sách các hạng mục kiểm kê (theo ông T chú thích tại bút lục số 43) là đợt kiểm kê lần 2 ngày 26/11/2018 thể hiện Trạm cân 100 tấn: 5m x 13m x 4m = 260 m³.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm mở ngày 26/5/2020, ông T và bà H1 đều xác định mái che công nghiệp của DNTN TH có kết cấu trụ bê tông cốt thép, vì kèo sắt, mái tôn và khối lượng trạm cân là 260 m³ đúng như đã thể hiện tại Biên bản kiểm kê lập ngày 27/9/2018, hiện nay vẫn chưa bị tháo dỡ. Để bảo đảm việc giải quyết vụ án được chính xác, khách quan, đúng pháp luật, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định hoãn phiên tòa và ban hành quyết định ủy thác cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các hạng mục này, tuy nhiên do ông T và bà H1 không nhất trí vì cho rằng đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án nên không thể thực hiện được. Do vậy, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tiếp tục ban hành Quyết định số 1851/QĐ-CCTLCC ngày 18/6/2020 yêu cầu ông Lê Văn T cung cấp tài liệu, chứng cứ; đồng thời ban hành Văn bản số 1852/CV-TA ngày 18/6/2020 yêu cầu UBND thị xã H cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Ngày 22/6/2020, ông T và bà H1 đã gửi cho Tòa án 03 bản ảnh chụp mô tả mái che công nghiệp kèm theo Đơn trình bày bổ sung. Qua xem xét 03 bản ảnh chụp do ông T, bà H1 cung cấp thì thấy rõ ràng nhà xưởng của DNTN TH có kết cấu trụ bê tông cốt thép, vì kèo sắt, mái tôn là phù hợp với mái che công nghiệp “Khung bê tông + thép; mái ngói, tôn, fibrôximăng” tại tiểu mục 1.4 mục IV Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 68/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, chứ không phải “Khung bê tông; mái ngói, tôn, fibrôximăng” tại tiểu mục 1.3 như tại Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND thị xã H đã áp dụng để bồi thường hạng mục Mái che công nghiệp cho DNTN TH.

Ngày 26/6/2020, UBND thị xã H có Văn bản số 947/UBND “V/v cung cấp một số thông tin, tài liệu” theo yêu cầu của Tòa án cấp phúc thẩm có ý kiến: “Việc xác định hạng mục “Mái che công nghiệp, trụ BTCT, đỡ sắt, lợp tôn” của Doanh nghiệp tư nhân TH thuộc trường hợp quy định tại tiểu mục 1.3 mục IV (Kết cấu mái che) Phụ lục 02 “Bảng đơn giá công trình, vật kiến trúc” của bản Quy định về đơn giá nhà, công trình, vật kiến trúc và các loại mô tả làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (được ban hành kèm theo Quyết định số 68/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế) là căn cứ vào QCVN 03:2012/BXD của Bộ Xây dựng: Quy chuẩn

kỹ thuật quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị để xác định”. Tuy nhiên, xem xét toàn bộ nội dung QCVN 03:2012/BXD do Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn biên soạn, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BXD ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì tại bản QCVN 03:2012/BXD chỉ quy định “những nguyên tắc chung để phân loại, phân cấp và xác định cấp công trình dân dụng, công nghiệp... nhằm làm cơ sở để xác định các giải pháp kinh tế kỹ thuật khi lập và xét duyệt các dự án đầu tư, thiết kế và xây dựng công trình”; không có nội dung nào quy định cụ thể để căn cứ vào đó có thể xác định kết cấu hạng mục mái che công nghiệp của DNTN TH thuộc trường hợp áp dụng tiêu mục 1.3 mục IV Phụ lục 02 của bản Quy định về đơn giá nhà, công trình, vật kiến trúc... được ban hành kèm theo Quyết định số 68/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đối với việc xác định khối lượng Trạm cân 100 tấn: Tại Văn bản số 947/UBND ngày 26/6/2020 “V/v cung cấp một số thông tin, tài liệu” theo yêu cầu của Tòa án cấp phúc thẩm, UBND thị xã H cũng xác định: *“Khi tổ chức kê khai, kiểm đếm tài sản trên đất của DNTN TH, Trạm cân 100 tấn là hạng mục ngầm dưới đất, có kết cấu phức tạp, DNTN TH không cung cấp được hồ sơ thiết kế nên Hội đồng đã tạm thời kiểm kê theo kê khai của doanh nghiệp... Sau khi kiểm kê, Hội đồng đã đối chiếu các hồ sơ thiết kế Trạm cân tương tự với loại Trạm cân của Doanh nghiệp tư nhân TH, thì nhận thấy khối lượng bê tông bệ máy Trạm cân mà Doanh nghiệp kê khai là chưa phù hợp. Do đó, Hội đồng đã lập và tính toán lại số liệu, đồng thời có ký xác nhận của đại diện Doanh nghiệp tư nhân TH tại Biên bản ngày 22/01/2019”*. Tại phiên tòa, ông T và bà H1 khẳng định ông bà không đồng ý việc tính toán lại khối lượng Trạm cân ngày 22/01/2019 nên đã khiếu nại nhưng không được giải quyết. Như vậy, có đủ căn cứ xác định quá trình kiểm đếm, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chưa thực hiện việc đo đạc để xác định chính xác khối lượng bê tông Trạm cân 100 tấn của DNTN TH.

[2.4] Trên cơ sở kết quả phân tích từ mục [2.1] đến [2.3] nêu trên, có đủ căn cứ kết luận: Tại Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 19/7/2019, UBND thị xã H đã áp dụng bồi thường hạng mục Mái che công nghiệp tại tiêu mục 1.3 mục IV Phụ lục 02 “Bảng đơn giá công trình, vật kiến trúc” của bản Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 68/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế là không chính xác; đồng thời, việc xác định khối lượng trạm cân chỉ có 116,874 m³, khác với số liệu tại Biên bản kiểm kê lập ngày 27/9/2018 (thể hiện Trạm cân 100 tấn có kích thước: 5,5 m x 13 m x 4 m = 260 m³) trong khi chưa thực hiện việc đo đạc mà chỉ dựa vào hồ sơ thiết kế các Trạm cân tương tự để xác định cũng chưa có đủ căn cứ. Khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ để xác định chính xác các nội dung trên dẫn đến quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND thị xã H

đối với việc áp dụng đơn giá bồi thường hạng mục Mái che công nghiệp và khối lượng Trạm cân 100 tấn của DNTN TH là chưa có đủ cơ sở. Do đó, kháng cáo của ông T và bà H1 về nội dung này được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thì thấy: Ông Lê Văn T, Chủ DNTN TH khởi kiện vụ án yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND thị xã H vì cho rằng tại quyết định này đã áp dụng không đúng quy định của pháp luật về tỷ lệ bồi thường, hỗ trợ đối với tài sản, vật kiến trúc trên đất khi Nhà nước thu hồi đất, về việc bồi thường không đúng khối lượng Trạm cân bê tông và đơn giá bồi thường đối với mái che công nghiệp. Những yêu cầu trên đều là những nội dung của Quyết định hành chính bị khiếu kiện; không phải là yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại về tài sản do quyết định hành chính gây ra theo quy định tại Điều 7 của Luật Tổ tụng hành chính. Do đó, DNTN TH không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch quy định tại các Điều 26, 27, khoản 6 và khoản 7 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Đối với các yêu cầu của ông T, bà H1 tại Đơn tố cáo đề ngày 26/5/2020 yêu cầu Tòa án buộc UBND thị xã H phải bồi thường: (1) Những thiệt hại, tài sản trong Quyết định số 2105/QĐ-UBND chưa đề cập gồm 15 máy cưa, 01 trạm cân điện tử 100 tấn, kinh phí tháo dỡ di dời và lắp đặt hệ thống dây chuyền sản xuất; (2) số tiền ông bà đã tạo mặt bằng phục vụ sản xuất; (3) tiền thuê bảo vệ trông coi nhà xưởng và tiền lãi suất vay ngân hàng; (4) bồi thường lại đơn hàng và công nhân; (5) bồi thường về tổn thất về sức khỏe và tinh thần mà UBND thị xã H đã gây ra; (6) buộc UBND thị xã H phải chịu tội trước pháp luật về việc đã làm cho doanh nghiệp phải ngưng hoạt động trong 20 tháng dẫn đến nguy cơ phá sản doanh nghiệp. Xét thấy nội dung yêu cầu của ông T và bà H1 nêu trên không thuộc phạm vi khởi kiện ban đầu, không thuộc phạm vi kháng cáo ban đầu nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 220 của Luật Tổ tụng hành chính.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 348, khoản 2 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng các Điều 66, 67, 68, 69 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 4 Chương 2, Chương 3 Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành về trình tự, thủ tục thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 68/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về đơn giá nhà, công trình, vật kiến trúc và các loại mô tả làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; khoản 6 Điều 27 Quyết định số 37/2018/QĐ-UB ngày 19/6/2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348, khoản 2 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế:

1. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH về việc hủy một phần Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của Ủy ban nhân dân thị xã H phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho Doanh nghiệp tư nhân TH 80% giá trị các hạng mục đã kiểm kê (20 hạng mục) và buộc Ủy ban nhân dân thị xã H phải bồi thường cho Doanh nghiệp 100% giá trị các hạng mục đã kiểm kê.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH về việc hủy một phần Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của Ủy ban nhân dân thị xã H phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho Doanh nghiệp tư nhân TH đối với hạng mục Mái che công nghiệp và Bộ trạm cân. Yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã H thực hiện nhiệm vụ, công vụ phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho Doanh nghiệp tư nhân TH đối với hạng mục Mái che công nghiệp theo đúng quy định tại Quyết định số 68/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Bộ trạm cân theo đúng khối lượng thực tế.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 41.837.940 đồng theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

4. Án phí hành chính sơ thẩm:

4.1. Ủy ban nhân dân thị xã H phải chịu 300.000 đồng.

4.2. Trả lại cho ông Lê Văn T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH số tiền

300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005555 ngày 12/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Văn T - Chủ DNTN TH và bà Lê Thị Diệu H1 không phải chịu. Trả lại cho ông Lê Văn T số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005596 ngày 13/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế; trả lại cho bà Lê Thị Diệu H1 số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí do ông Lê Bá Nhật Bình nộp thay tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005604 ngày 18/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 30/6/2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Điền